PHỤ LỤC 08:

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên đơn vị	Quyết toán															
			Trong đó														
		Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
	Tổng số	**423.802.494.451**	**245.604.754.223**	**298.000.000**	**3.291.483.000**	**909.000.000**	**4.888.650.000**	**6.540.047.454**	**0**	**1.132.276.000**	**5.296.752.055**	**65.398.529.066**	**23.312.568.748**	**20.253.924.070**	**42.792.533.862**	**46.291.468.791**	**1.359.000.000**
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân	7.715.367.000	31.973.000	0	0	0	27.000.000	0	0	0	0	0	0	0	7.656.394.000	0	0
2	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5.422.395.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.112.184.000	0	3.068.684.000	1.897.199.000	413.012.000	0
3	Phòng Tư pháp	994.718.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	994.718.000	0	0
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	4.219.506.862	41.810.000	0	0	0	0	0	0	0	0	63.000.000	0	0	4.114.696.862	0	0
5	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	23.176.615.311	3.450.000	298.000.000	0	0	0	0	0	0	4.640.940.055	16.678.336.256	7.073.395.748	0	1.555.889.000	0	0
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo	227.645.221.923	224.961.298.423	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.011.292.000	672.631.500	0
7	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	46.237.654.291	123.871.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.442.642.000	44.671.141.291	0
8	Phòng Văn hoá và Thông tin	10.495.477.454	14.650.000	0	0	0	0	6.540.047.454	0	1.132.276.000	511.812.000	1.151.518.000	0	96.300.000	1.049.174.000	96.000.000	0
9	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.917.044.000	3.350.000	0	0	0	0	0	0	0	117.000.000	811.000.000	0	0	985.694.000	0	0
10	Phòng Nội vụ	2.322.290.000	26.770.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.295.520.000	0	0
11	Thanh tra huyện	1.037.261.000	7.765.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.029.496.000	0	0
12	Huyện uỷ	8.474.868.000	76.727.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8.398.141.000	0	0
13	Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc huyện	1.669.437.000	8.896.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.660.541.000	0	0
14	Huyện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	889.622.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	889.622.000	0	0
15	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	916.291.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	916.291.000	0	0
16	Hội Nông dân huyện	975.906.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	975.906.000	0	0
17	Hội Cựu chiến binh huyện	500.583.000	2.866.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	497.717.000	0	0
18	Hội Chữ thập đỏ	287.764.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	287.764.000	0	0
19	Hội Người mù	128.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	128.000.000	0	0
20	Hội Khuyến học	84.092.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	84.092.000	0	0
21	Các quan hệ khác của ngân sách	7.145.143.000	100.800.000	0	2.525.623.000	909.000.000	1.980.506.000	0	0	0	27.000.000	1.373.214.000	0	1.373.214.000	0	0	229.000.000
	Bộ Công An	936.000.000	0	0	0	909.000.000	0	0	0	0	27.000.000	0	0	0	0	0	0
	Bộ Quốc phòng	2.626.423.000	100.800.000	0	2.525.623.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Tên đơn vị	Quyết toán															
			Trong đó														
		Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên Huế	12.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12.000.000
	Chi cục Thuế khu vực Hương Điền	50.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50.000.000
	Chi cục Thống kê huyện Quảng Điền	18.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	18.000.000
	Các đơn vị khác huyện Quảng Điền	47.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	47.000.000
	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Quảng Điền; Hạng mục: Cải tạo hệ thống nhà vệ sinh xuống cấp khối nhà Trung tâm	1.142.506.000	0	0	0	0	1.142.506.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Hạt kiểm lâm Quảng Điền	22.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	22.000.000
	Kho bạc Nhà nước Quảng Điền - KBNN Tỉnh Thừa Thiên - Huế	30.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30.000.000
	Trung tâm Y tế huyện Quảng Điền	838.000.000	0	0	0	0	838.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	UBND thị trấn Sịa	95.160.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	95.160.000	0	95.160.000	0	0	0
	UBND Xã Quảng An	231.798.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	231.798.000	0	231.798.000	0	0	0
	UBND Xã Quảng Công	322.900.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	322.900.000	0	322.900.000	0	0	0
	UBND Xã Quảng Lợi	70.504.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	70.504.000	0	70.504.000	0	0	0
	UBND Xã Quảng Ngạn	175.222.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	175.222.000	0	175.222.000	0	0	0
	UBND Xã Quảng Phước	316.814.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	316.814.000	0	316.814.000	0	0	0
	UBND Xã Quảng Thành	115.002.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	115.002.000	0	115.002.000	0	0	0
	UBND Xã Quảng Thái	15.920.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15.920.000	0	15.920.000	0	0	0
	UBND Xã Quảng Vinh	29.894.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	29.894.000	0	29.894.000	0	0	0
	Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Quảng Điền	50.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50.000.000
22	Các đơn vị khác	71.547.237.610	20.200.527.800	0	765.860.000	0	2.881.144.000	0	0	0	0	42.209.276.810	16.239.173.000	15.715.726.070	3.921.745.000	438.684.000	1.130.000.000
	Chỉnh trang đường tỉnh lộ 11A đoạn qua trung tâm xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền	2.500.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.500.000.000	2.500.000.000	0	0	0	0
	Các đơn vị khác Huyện Quảng Điền	10.459.690.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9.302.690.500	0	9.302.690.500	27.000.000	0	1.130.000.000
	Hạ tầng phục vụ dân sinh và phát triển du lịch xã Quảng Công (phần hạ tầng giao thông)	3.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.000.000.000	0	0	0	0	0

TT	Tên đơn vị	Quyết toán																
			Trong đó															
		Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
	Hệ thống điện chiếu sáng đường Tam Giang (đoạn từ cầu Đan Điền đến đường Trần Hữu Khác), thị trấn Sịa.	896.505.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	896.505.000	0	0	0	0	0
	Hệ thống điện chiếu sáng đường ra khu du lịch Ngư Mỹ Thạnh, xã Quảng Lợi	778.383.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	778.383.000	0	0	0	0	0
	Hệ thống điện chiếu sáng đường từ khu trung tâm xã Quảng Thành	886.297.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	886.297.000	0	0	0	0	0
	Hệ thống điện đường Đặng Hữu Phổ (đoạn từ Nguyễn Vịnh đến giao với đường ven sông Sịa), thị trấn Sịa	900.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	900.000.000	0	0	0	0	0
	Hội người khuyết tật huyện Quảng Điền	32.500.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	32.500.000	0	0
	Kiên cố hoá kênh Hói Liễu - Thượng Nô, HTX Đông Phước, xã Quảng Phước	982.029.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	982.029.000	0	982.029.000	0	0	0
	Kiên cố hoá kênh Tam Đạt - Cồn Dôn - Mơn Cát, HTX Mai Phước, xã Quảng Phước	800.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	800.000.000	0	800.000.000	0	0	0
	Kiên cố hoá kênh mương Cồn Đờn Nam và Bàu Quảng, HTX Đông Phước, xã Quảng Phước	996.597.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	996.597.000	0	996.597.000	0	0	0
	Kiên cố hóa kênh mương HTX Kim Thành, xã Quảng Thành	1.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	0	0
	Kiên cố hóa kênh mương HTX Quảng Thọ 1, xã Quảng Thọ	977.464.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	977.464.000	0	977.464.000	0	0	0
	Kè kết hợp chỉnh trang bờ Bắc sông Sịa (giai đoạn 2), thị trấn Sịa	3.475.057.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.475.057.000	0	0	0	0	0
	Mã số các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đặc biệt thuộc Bộ Quốc Phòng	765.860.000	0	0	765.860.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Nhà làm việc xã Quảng An. Hạng mục:Khu trực Ban chỉ huy quân sự xã	400.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400.000.000	0	0
	Nâng cấp sửa chữa đường Tây Hoàng Trang trại xã Quảng Thái	1.158.458.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.158.458.000	1.158.458.000	0	0	0	0

TT	Tên đơn vị	Quyết toán															
			Trong đó														
		Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
	Nâng cấp đường vào và tuyến ống D110 tại cụm công nghiệp Bắc An Gia	388.328.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	388.328.000	388.328.000	0	0	0	0
	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hệ thống thoát nước cụm dân cư, thôn Phú Lễ, xã Quảng Phú	1.109.173.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.109.173.000	1.109.173.000	0	0	0	0
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Phường Thiền, xã Quảng Công	1.842.651.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.842.651.000	1.842.651.000	0	0	0	0
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trang trại, xã Quảng Vinh (giai đoạn 1)	1.133.164.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.133.164.000	1.133.164.000	0	0	0	0
	Nâng cấp, mở rộng đường cửa rào Nam, cửa rào Bắc, xã Quảng Phước (giai đoạn 1)	1.100.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.100.000.000	1.100.000.000	0	0	0	0
	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính nội đồng ông Hoàng, tuyến đường cây xăng 31, xã Quảng Ngan	1.139.243.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.139.243.000	1.139.243.000	0	0	0	0
	Nâng cấp, mở rộng đường trục thôn Tây Thành - Phú Ngan, xã Quảng Thành	1.137.742.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.137.742.000	1.137.742.000	0	0	0	0
	Nâng cấp, mở rộng đường về khu nuôi trồng thủy sản xã Quảng An	1.100.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.100.000.000	1.100.000.000	0	0	0	0
	Nâng cấp, sửa chữa Nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Sịa	438.684.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	438.684.000	0
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Quảng Thái, Hạng mục: Cải tạo khối nhà một tầng ba phòng học, khối nhà hai tầng sáu phòng học và khối nhà bếp	700.000.000	700.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu Học Quảng Thọ; Hạng mục Cải tạo nhà cầu nối, lát gạch sân sau cơ sở 2 và cải tạo hệ thống cửa, phòng làm việc cơ sở 1	496.837.000	496.837.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học số 2 Quảng Lợi. Hạng mục: Cải tạo khối nhà bên phải	499.690.000	499.690.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Tên đơn vị	Quyết toán																
			Trong đó															
		Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Phan Thế Phương. Hạng mục: Cải tạo khối nhà A	499.361.000	499.361.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Nâng cấp, sửa chữa đường nối Tỉnh lộ 8C đến đường ven sông Bồ (đoạn qua thôn Hạ Lang), xã Quảng Phú	1.161.511.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.161.511.000	1.161.511.000	0	0	0	0
	Nâng cấp, sửa chữa đường từ làng nghề Bao La đến vùng sản xuất trang trại Hà Cảng, xã Quảng Phú	2.468.903.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.468.903.000	2.468.903.000	0	0	0	0
	Nâng cấp, sửa chữa trường Mầm non Quảng Ngạn; hạng mục : Cải tạo khối nhà chính	499.438.000	499.438.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Quảng Điền	2.614.716.570	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.161.585.570	0	1.161.585.570	1.453.131.000	0	0
	Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Quảng Điền	1.153.588.000	508.329.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	645.259.000	0	0
	Trung tâm học tập công đồng xã Quảng Công	19.000.000	19.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm học tập công đồng xã Quảng Thái	23.750.000	23.750.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm học tập cộng đồng thị trấn Sịa	19.000.000	19.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng An	18.999.400	18.999.400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Lợi	19.000.000	19.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Ngạn	14.506.400	14.506.400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Phú	19.000.000	19.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Phước	19.000.000	19.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Thành	19.000.000	19.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Thọ	23.750.000	23.750.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung tâm học tập cộng đồng xã Quảng Vinh	19.000.000	19.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Tên đơn vị	Quyết toán																
			Trong đó															
		Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Quảng Điền	1.699.355.740	17.365.000	0	0	0	0	0	0	0	0	318.135.740	0	0	1.363.855.000	0	0
	Trường Mầm Non Quảng Thái, hạng mục: cải tạo khối nhà 4 phòng học và khối nhà 6 phòng học	400.000.000	400.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Mầm non Họa Mi 2; Hạng mục: Cải tạo khối nhà A, cổng và hàng rào	399.386.000	399.386.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Mầm non Quảng Lợi. Hạng mục: Cải tạo khối nhà C	499.539.000	499.539.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Mầm non Quảng Thọ, Hạng mục: Cải tạo khối nhà B và Nhà bếp	499.784.000	499.784.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Mầm non Sao Mai 2 Hạng mục : Cải tạo khối nhà đối diện khối nhà chính	449.726.000	449.726.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Mầm non Sơn Ca. Hạng mục: Cải tạo nhà bếp, khối nhà trung tâm, khối nhà bên trái và khối nhà chức năng	697.486.000	697.486.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường THCS Nguyễn Hữu Đà - Hạng mục: Cải tạo khối nhà trung tâm	350.000.000	350.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường THCS Phạm Quang Ái; Hạng mục : Cải tạo khối nhà B	496.428.000	496.428.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Tiểu Học số 2 Quảng Phú; Hạng mục: Cải tạo cột cờ và nhà nối	699.061.000	699.061.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Tiểu học Quảng Công. Hạng mục: Cải tạo khối nhà trung tâm	797.921.000	797.921.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Tiểu học Quảng Ngạn, Hạng mục : Cải tạo khối nhà trung tâm, nhà vệ sinh, sân và mương thoát nước	1.097.040.000	1.097.040.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Tiểu học Quảng Thái, hạng mục: Cải tạo khối nhà B	599.136.000	599.136.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Tiểu học số 1 Quảng Lợi. Hạng Mục: Cải tạo khối nhà trung tâm	1.098.275.000	1.098.275.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Tên đơn vị	Quyết toán																
			Trong đó															
		Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
	Trường Tiểu học số 1 Quảng Vinh, Hạng mục cải tạo khối nhà A, khối nhà B	500.000.000	500.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Tiểu học số 1 thị trấn Sịa. Hạng mục: Cải tạo khối nhà A	1.098.484.000	1.098.484.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Tiểu học số 2 Quảng Vinh - Hạng mục: Cải tạo khối nhà hiệu bộ	694.094.000	694.094.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đình Anh. Hạng mục: Cải tạo khối nhà bên trái, xây mới cầu nối	1.093.451.000	1.093.451.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Trung học cơ sở Đặng Dung. Hạng mục: Cải tạo khối nhà 2 tầng bên trái	800.000.000	800.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường mầm non Kim Thành. Hạng mục: Cải tạo cơ sở Thành Trung và cơ sở Kim Đôi	450.000.000	450.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường mầm non Quảng Công. Hạng mục: Cải tạo khối nhà A và mái che khối nhà C	398.487.000	398.487.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường mầm non Quảng Phước. Hạng mục: Nâng cấp, sửa chữa khối nhà A, khối nhà B và cầu nối	400.000.000	400.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường tiểu học số 1 Quảng An, Hạng mục: Cải tạo khối nhà A, mương thoát nước, khu hoạt động ngoài trời, lối đi cổng phụ và bồn hoa.	600.000.000	600.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường tiểu học số 2 Quảng An Hạng mục: Cải tạo khối nhà A, khối nhà B và khối nhà C	349.329.000	349.329.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường tiểu học số 2 Quảng Phước; Hạng mục: Cải tạo khối nhà trung tâm và hàng rào	497.965.000	497.965.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường tiểu học số 2 Quảng Thành. Hạng mục: Cải tạo số nhà B, nhà vệ sinh và mái hiên nhà bếp.	600.000.000	600.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Tên đơn vị	Quyết toán																
		Quyết toán	*Trong đó*															
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
	Trường tiểu học số 2 thị trấn Sịa. hạng mục: Cải tạo mương thoát nước, nhà nối và sân	499.972.000	499.972.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường trung học cơ sở Đặng Hữu Phổ Hạng mục: Cải tạo khối nhà trung tâm	699.938.000	699.938.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trạm bơm tưới Mụ Ả, thuộc HTXNN Đông Phú	495.360.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	495.360.000	0	495.360.000	0	0	0
	Trạm y tế xã Quảng An, Hạng mục: Cải tạo khối nhà chính.	742.937.000	0	0	0	0	742.937.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trạm y tế xã Quảng Phú, Hạng mục: Cải tạo khối nhà và cổng	696.886.000	0	0	0	0	696.886.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trạm y tế xã Quảng Phước. Hạng mục: Cải tạo khối nhà chính và cổng	750.000.000	0	0	0	0	750.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trạm y tế xã Quảng Thọ; Hạng mục: Cải tạo khối nhà chính, mái che và nền sân	691.321.000	0	0	0	0	691.321.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0